

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 07 - 2025

V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vương Thị Dung;
- Ông Nguyễn Chánh Bôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 07 năm 2025, tại Hội trường xét xử A, tầng trệt - Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2025/QĐHPT-HNGĐST ngày 27 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Bình T, sinh năm 1986.

2. Bị đơn: Bà Phùn Thị Ánh S, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp H, xã Đ (Trước đây là khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ cũ), tỉnh Đồng Nai.

(Ông T xin vắng mặt, còn bà S vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2024, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Lâm Bình T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phùn Thị Ánh S yêu nhau, có tìm hiểu và tự

nguyên chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ vào năm 2016; hôn nhân tự nguyện, không có sự ép buộc. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, gây gổ với nhau; rồi sau đó bà S tự bỏ ra ngoài sinh sống với người khác, không liên lạc, cũng không đến thăm non và trợ cấp nuôi con. Ông biết bà S vẫn đang sinh sống tại: Tổ D, khu phố H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai. Ông đã nhiều lần liên lạc khuyên nhủ, tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà S nhưng bà S vẫn không thay đổi nên không hòa giải, hàn gắn tình cảm được. Mâu thuẫn giữa ông với bà S ngày càng trầm trọng, sâu sắc, ông đã không còn tình cảm với bà S. Hiện ông và bà S đã ly thân hơn 03 năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm lo đến nhau nữa. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên ông nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Lâm Quốc A, sinh ngày 28/06/2014 và Lâm Anh N, sinh ngày 31/10/2018, hiện 02 con chung đang sinh sống cùng ông tại: Tổ D, khu phố H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai. Ông có công việc là công nhân vệ sinh, thu nhập mỗi tháng khoảng gần 8.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con nên ly hôn ông xin nuôi 02 con chung và từ trước đến nay, bà S bỏ ra ngoài sinh sống, không có phụ giúp gì về tiền bạc, công sức nuôi dưỡng các con nên tạm thời ông không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn bà Phùn Thị Ánh S đã được tổng đạt (Niêm yết) hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.***

Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai tại phiên tòa:***

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, tài liệu, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Bình T, cho ông được ly hôn với bà Phùn Thị Ánh S;

- Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Lâm Quốc A, sinh ngày

28/06/2014 và Lâm Anh N, sinh ngày 31/10/2018. Ly hôn, giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời bà S không cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết;
- Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Ông Lâm Bình T khởi kiện “Xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung” với bà Phùn Thị Ánh S, sinh năm 1992, địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Trước khi thay đổi, sát nhập địa giới hành chính mới). Qua xác minh tại địa phương (Bút lục số 32) thể hiện: Bà Phùn Thị Ánh S, sinh năm 1992 có đăng thường trú tại: Tổ I, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ (Nay là Tổ I, ấp H, xã Đ), tỉnh Đồng Nai. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 68, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Ông Lâm Bình T là nguyên đơn, bà Phùn Thị Ánh S là bị đơn; quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Định Quán), tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lâm Bình T có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận; còn bị đơn bà Phùn Thị Ánh S đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà S.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và phần trình bày của ông Lâm Bình T thể hiện: Ông Lâm Bình T và bà Phùn Thị Ánh S kết hôn năm 2016, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (Nay là xã Đ), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016, đăng ký ngày 29/02/2016 nên xác định là hôn nhân hợp pháp (Bút lục số 08). Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử, giải quyết vụ án.

Ông T trình bày: Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì sau đó xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, gây gổ với nhau; rồi sau đó bà S tự bỏ ra ngoài sinh sống với người khác, không liên lạc, cũng không đến thăm non và trợ cấp nuôi con. Ông biết bà S vẫn đang sinh sống tại: Tổ D, khu phố H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai. Ông đã nhiều lần liên lạc khuyên nhủ, tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà S nhưng bà S vẫn không thay đổi

nên không hòa giải, hàn gắn tình cảm được. Mâu thuẫn giữa ông với bà S ngày càng trầm trọng, sâu sắc, ông đã không còn tình cảm với bà S. Hiện ông và bà S đã ly thân hơn 03 năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm lo đến nhau nữa. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên ông nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S.

Về việc thu thập chứng cứ, tài liệu: Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của ông T, bà S tại địa phương thể hiện (Bút lục số 33, 34): Ông T và bà S chung sống tại khu phố H từ năm 2016, đến năm 2018 thì do bất đồng quan điểm sống giữa vợ chồng nên bà S bỏ đi khỏi nhà cho đến nay, không quan tâm, hỏi han chồng con.

Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt (Niêm yết) hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bà Phùn Thị Ánh S nhưng bà S không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử tại toà án. Điều này chứng tỏ bà S đã không còn thiết tha, quan tâm và mặc kệ đến quan hệ hôn nhân với ông T. Đồng thời, Tòa án cũng đã phân tích, động viên để ông T đoàn tụ, hàn gắn với bà S nhưng ông T xác định quá trình chung sống vợ chồng đã không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa nên cương quyết xin ly hôn với bà S, Cho nên chứng tỏ giữa ông T và bà S đã không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng và không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa...vv.

Từ những nhận định, phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà S có thật, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông được ly hôn với bà S.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và phần trình bày của ông T thể hiện: Quá trình chung sống, ông T và bà S có 02 con chung là các cháu tên Lâm Quốc A, sinh ngày 28/06/2014 và Lâm Anh N, sinh ngày 31/10/2018.

Theo ông T trình bày: Hiện hai con chung đang sinh sống cùng ông tại: Tổ D, khu phố H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai. Ông có công việc là công nhân vệ sinh, thu nhập mỗi tháng khoảng gần 8.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con nên ly hôn ông xin nuôi 02 con chung và tạm thời không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Còn bà S không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được văn bản trình bày ý kiến.

Toà án đã tiến hành cho cháu Lâm Quốc A làm bản tự khai, nguyện vọng của cháu sau khi cha mẹ ly hôn, xin được ở với ông T (Bút lục số 29).

Về việc thu thập chứng cứ, tài liệu: Qua xác minh tại địa phương thể hiện (Bút lục số 33): Ông T và bà S có 02 con chung là các cháu tên Lâm Quốc A, sinh ngày 28/06/2014 và Lâm Anh N, sinh ngày 31/10/2018; hiện hai cháu đang sinh sống cùng ông T, do ông T, ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc và đi học đầy đủ. Ông T hiện là nhân viên vệ sinh môi trường, thu nhập ổn định.

Xét thấy, hiện hai cháu A và Như đang sinh sống ổn định cùng ông T; xem xét ý kiến, điều kiện của ông T và nguyện vọng của cháu A nên để tránh ảnh hưởng,

xáo trộn đến cuộc sống, tâm sinh lý, sinh hoạt hằng ngày, học tập...vv của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung là các cháu A và Như cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi hai con chung là các cháu A và Như: Do ông T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; tạm thời bà S không cấp dưỡng nuôi các cháu A và Như.

[3.3] Ông T trình bày về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Bà S không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy, đối với phần tài sản chung và nợ chung, không đủ cơ sở xác định đối với các vấn đề này, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết và tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 69, 70, 71, 72, 97, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ các Điều 11, 12, 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Bình T đối với bà Phùn Thị Ánh S về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Bình T được ly hôn với bà Phùn Thị Ánh S.
2. Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Lâm Quốc A, sinh ngày 28/06/2014 và Lâm Anh N, sinh ngày 31/10/2018.

Ly hôn, giao 02 con chung là các cháu A và Như cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, bà S không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Bà S có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014986 ngày

19/2/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Đồng Nai).

5. Ông T, bà S vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân xã Định Quán (Số 22/2016, đăng ký ngày 29/02/2016);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đạt